

Số: /GCN-SXD

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 25/4/2025 của Công ty TNHH MTV thiết kế và tư vấn xây dựng công trình hàng không ADCC (gửi Sở Xây dựng ngày 26/4/2025); Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 15/5/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH MTV thiết kế và tư vấn xây dựng công trình hàng không ADCC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100726483. Đăng ký lần đầu ngày 06/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/5/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Mã số thuế: 0100726483.

Địa chỉ: 180 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm Vật liệu xây dựng - Las XD 61

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: số 180, 182, 186 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35633605/0912573937

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.025

3. Giấy chứng nhận này bổ sung danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và có hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 06/GCN-SXD(GĐCL) ngày 04/3/2024 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV TK&TVXD công trình hàng không ADCC;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công-PGD SXD;
- Lưu: VT, GĐCL (H.N.Duy 03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM BỔ SUNG
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.025**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số /GCN-SXD ngày tháng 5 năm 2025)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT	
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
4	Thành phần hạt	TB 10102-2023
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
7	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
8	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023
9	Các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023
10	Các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023
11	Đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
12	Đặc trưng lún ướt	TB 10102-2023
13	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
14	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TB 10102-2023
15	Sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TB 10102-2023
16	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023
17	Đàn nén đất, đá dăm	TB 10102-2023
18	Mô đun đàn hồi đất, đất gia cố, cấp phối đá dăm	TB 10102-2023
19	Góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023
20	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TB 10102-2023
II	VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DẪM, SỎI, CẤP PHỐI	
21	Thành phần hạt	TB 10102-2023
22	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023
23	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
24	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10102-2023
25	Độ ẩm	TB 10102-2023 TB 10115-2023
26	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
27	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
28	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TB 10115-2023
29	Độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023
30	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TB 10102-2023 TB 10115-2023
31	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
32	Hàm lượng clorua	TB 10102-2023
33	Hàm lượng sulfat và sulfit	TB 10102-2023
34	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023
35	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
36	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TB 10102-2023
37	Hàm lượng mica	TB 10102-2023

		TB 10115-2023
38	Độ bền của cốt liệu trong dung dịch Na_2SO_4 . hoặc MgSO_4 .	TB 10102-2023
39	Cường độ nén điểm của đá gốc	TB 10115-2023
40	Xác định độ góc cạnh của cát	TB 10102-2023
41	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TB 10102-2023 TB 10115-2023
42	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TB 10102-2023 TB 10115-2023
43	Xác định độ bền cắt các loại đá trong phòng thí nghiệm	TB 10102-2023 TB 10115-2023
44	Xác định độ góc cạnh đối với cốt liệu lớn	TB 10102-2023 TB 10115-2023
III	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC	
45	Xác định độ pH, nhiệt độ	TB 10104-2003
46	Xác định hàm lượng Cl^- , SO_4^{2-} , HCO_3^- , CO_3^{2-} , Ca^{2+} , Mg^{2+}	TB 10104-2003
47	Xác định hàm lượng CO_2 tự do, CO_2 ăn mòn, O_2 tiêu hao, O_2 hoà tan	TB 10104-2003
48	Xác định tổng độ cứng, độ cứng tạm thời, tổng lượng muối	TB 10104-2003
49	Xác định độ axit	TB 10104-2003
IV	PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT	
50	Xác định độ pH	TB 10103-2008
51	Hàm lượng SO_4^{2-} hoà tan	TB 10103-2008
52	Hàm lượng Cl^- hoà tan	TB 10103-2008
53	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TB 10103-2008
54	Tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TB 10103-2008

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu thí nghiệm dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.